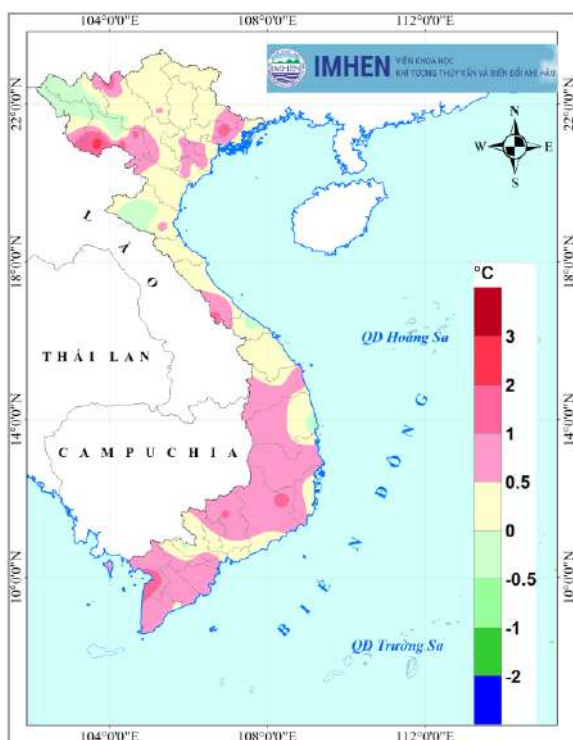
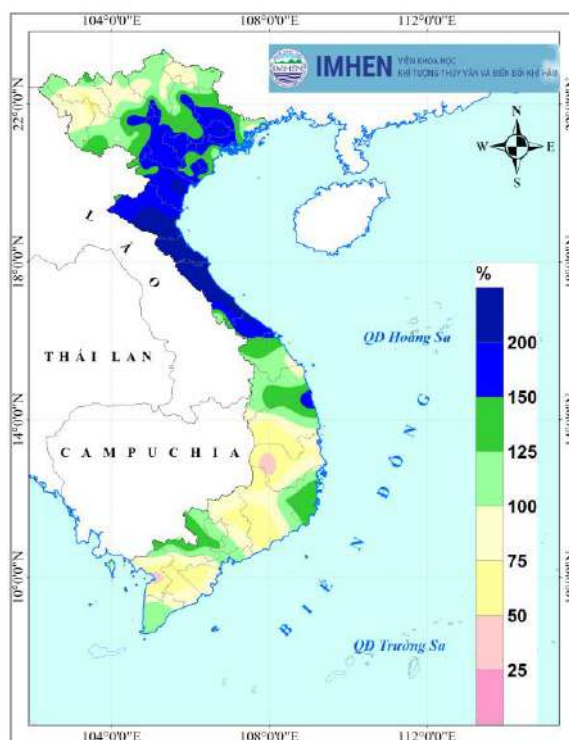


THÔNG BÁO VÀ DỰ BÁO KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 10, 11, 12 NĂM 2025



(a)



(b)

Chuẩn sai nhiệt độ (a) và tỷ chuẩn lượng mưa (b) tháng 8/2025



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KHÍ TƯỢNG - KHÍ HẬU
CENTER FOR METEOROLOGY AND CLIMATOLOGY

Hà Nội, tháng 09 - 2025

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	ii
DANH MỤC BẢNG BIỂU.....	iii
DANH MỤC HÌNH VẼ.....	iii
PHẦN I: DIỄN BIẾN KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 6, 7, 8 NĂM 2025	1
1.1. Diễn biến khí hậu trên thế giới và khu vực	1
1.2. Diễn biến khí hậu ở Việt Nam.....	2
1.2.1. Nhiệt độ	2
1.2.2. Lượng mưa	4
1.2.3. Tổng số giờ nắng, tổng lượng bốc hơi và chỉ số ẩm	6
1.2.4. Hiện tượng thời tiết nguy hiểm	8
PHẦN II: DỰ BÁO KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 10, 11, 12 NĂM 2025	10
2.1. Dự báo hiện tượng ENSO và khí hậu khu vực.....	10
2.1.1. Hiện tượng ENSO	10
2.1.2. Dự báo khí hậu khu vực Châu Á	10
2.2. Dự báo khí hậu cho Việt Nam.....	12
2.2.1. Dự báo nhiệt độ	12
2.2.2. Dự báo lượng mưa.....	12
2.2.3. Hiện tượng thời tiết và khí hậu cực đoan	12
PHẦN III: NHẬN ĐỊNH KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 10, 11, 12 năm 2025	13

Thông báo và Dự báo khí hậu do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Bộ Nông nghiệp và Môi trường soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Nội dung của “Thông báo và Dự báo khí hậu” được đăng tải trên Internet theo địa chỉ: <http://www.imh.ac.vn>.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Số 23/62, Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng, TP. Hà Nội.

Điện thoại: +84 24 - 37 731 410 / +84 24 - 37 756 613

Email: vt_vkttv_khdt@mae.gov.vn.

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Ý nghĩa
1	A	Chỉ số ẩm
2	ATNĐ	Áp thấp nhiệt đới
3	BOM	Cơ quan Khí tượng Úc (Bureau of Meteorology)
4	CPC	Trung tâm Dự báo Khí hậu Hoa Kỳ (Climate Prediction Center)
5	CS	Chuẩn sai
6	ECMWF	Trung tâm Dự báo Thời tiết Hạn vừa châu Âu (European Centre for Medium-Range Weather Forecasts)
7	GMMĐ	Gió mùa mùa đông
8	IRI	Viện Nghiên cứu Quốc tế về Xã hội và Khí hậu, Trường Khí hậu Columbia, Đại học Columbia, Mỹ (International Research Institute for Climate and Society, The Columbia Climate School, Columbia University)
9	KKL	Không khí lạnh
10	KTTV	Khí tượng thủy văn
11	LMNLN	Lượng mưa ngày lớn nhất
12	NĐTB	Nhiệt độ trung bình
13	NĐTCTB	Nhiệt độ tối cao trung bình
14	NĐTCTĐ	Nhiệt độ tối cao tuyệt đối
15	NĐTTTB	Nhiệt độ tối thấp trung bình
16	NĐTTTĐ	Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối
17	SNM	Số ngày mưa
18	SOI	Chỉ số dao động Nam (Southern Oscillation Index)
19	SST	Nhiệt độ mặt nước biển (Sea Surface Temperature)
20	SSTA	Chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển (Surface Temperature Anomaly)
21	TBD	Thái Bình Dương
22	TBNN	Trung bình nhiều năm
23	TC	Tỷ chuẩn
24	TLBH	Tổng lượng bốc hơi
25	TLM	Tổng lượng mưa
26	TSGN	Tổng số giờ nắng
27	XĐ	Xích đạo
28	XTNĐ	Xoáy thuận nhiệt đới

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1. Đặc trưng nhiệt độ tháng 8/2025 tại một số trạm tiêu biểu.....	4
Bảng 1.2. Đặc trưng lượng mưa tháng 8/2025 tại một số trạm tiêu biểu	6
Bảng 2.1. Dự báo xác suất nhiệt độ và lượng mưa mùa 3 tháng 10-12 năm 2025	15

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1.1. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển trung bình mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 (°C)	1
Hình 1.2. Diễn biến chỉ số số SOI (9/2020 - 8/2025)	1
Hình 1.3. Diễn biến chỉ số SSTA (°C) tại khu vực NINO3.4 (9/2020 - 8/2025)	1
Hình 1.4. Phân bố chuẩn sai NDTB mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 (°C) trên khu vực châu Á....	2
Hình 1.5. Phân bố chuẩn sai TLM mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 (mm) trên khu vực châu Á....	2
Hình 1.6. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 (°C).....	3
Hình 1.7. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng 8/2025 (°C).....	3
Hình 1.8. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 (°C).....	3
Hình 1.9. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình tháng 8/2025 (°C).....	3
Hình 1.10. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 (°C)...	3
Hình 1.11. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình tháng 8/2025 (°C).....	3
Hình 1.12. Phân bố tổng lượng mưa mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 (mm).....	5
Hình 1.13. Phân bố tỷ chuẩn lượng mưa mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 (%).....	5
Hình 1.14. Phân bố lượng mưa tháng 8/2025 (mm).....	5
Hình 1.15. Phân bố tỷ chuẩn lượng mưa tháng 8/2025 (%).....	5
Hình 1.16. Phân bố chuẩn sai số ngày mưa mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 (ngày)	5
Hình 1.17. Phân bố chuẩn sai số ngày mưa tháng 8/2025 (ngày)	5
Hình 1.18. Phân bố tổng số giờ nắng mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 (giờ)	7
Hình 1.19. Phân bố tổng số giờ nắng tháng 8/2025 (giờ)	7
Hình 1.20. Phân bố tổng lượng bốc hơi mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 (mm).....	7
Hình 1.21. Phân bố tổng lượng bốc hơi tháng 8/2025 (mm).....	7
Hình 1.22. Phân bố chỉ số ẩm mùa 3 tháng 6-8 năm 2025.....	7
Hình 1.23. Phân bố chỉ số ẩm tháng 8/2025.....	7
Hình 2.1. Dự báo SSTA mùa 3 tháng 10-12 năm 2025	11
Hình 2.2. Dự báo SSTA tại khu vực NINO3.4 mùa 3 tháng 10-12 năm 2025	11
Hình 2.3. Dự báo xác suất nhiệt độ mùa 3 tháng 10-12 năm 2025 cho khu vực châu Á.....	11
Hình 2.4. Dự báo chuẩn sai nhiệt độ mùa 3 tháng 10-12 năm 2025	11
Hình 2.5. Dự báo xác suất lượng mưa mùa 3 tháng 10-12 năm 2025 cho khu vực châu Á...	12
Hình 2.6. Dự báo chuẩn sai lượng mưa mùa 3 tháng 10-12 năm 2025.....	12
Hình 2.7. Dự báo xác suất (a,b,c) và chuẩn sai (d) nhiệt độ mùa 3 tháng 10-12 năm 2025...	14
Hình 2.8. Dự báo xác suất (a, b, c) và chuẩn sai (d) lượng mưa mùa 3 tháng 10-12 năm 2025	14

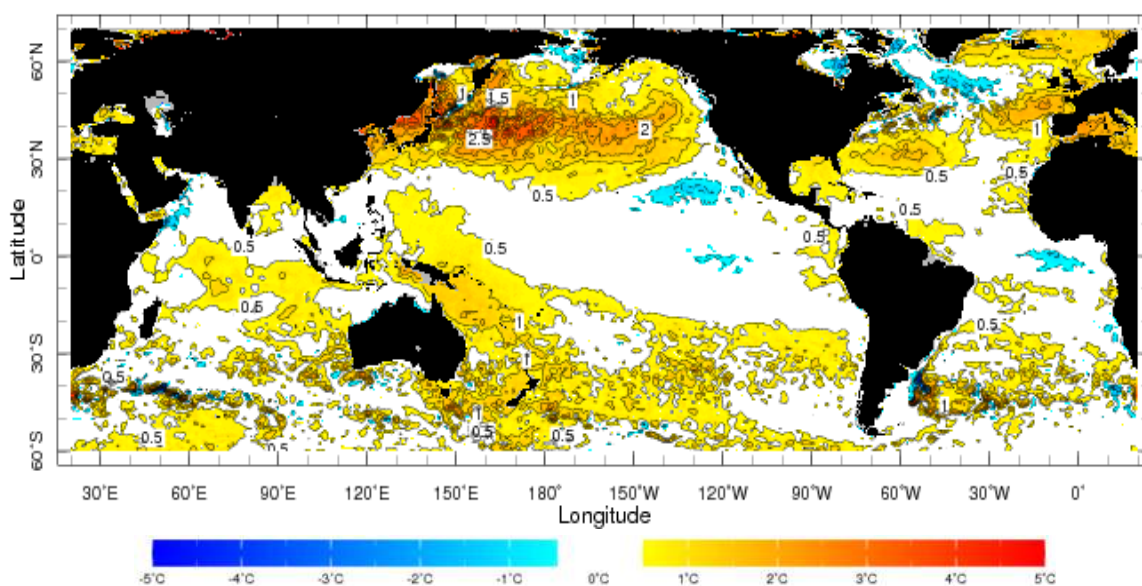
PHẦN I: DIỄN BIẾN KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 6, 7, 8 NĂM 2025

1.1. Diễn biến khí hậu trên thế giới và khu vực

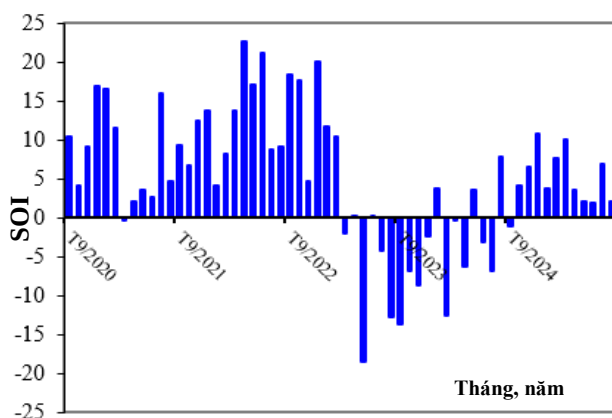
Bản tin của Trung tâm Dự báo Khí hậu Hoa Kỳ (CPC) ngày 11/9/2025: Trong tháng 8/2025, **hệ thống khí quyển - đại dương tiếp tục phản ánh các điều kiện trung tính của ENSO**, với nhiệt độ mặt nước biển (SST) xấp xỉ đến thấp hơn trung bình nhiều năm (TBNN) ở trung tâm và phía đông khu vực xích đạo Thái Bình Dương (XĐTBD). **Hình 1.1** cho thấy, chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển (SSTA) trung bình mùa tháng 6-8 năm 2025 ở hầu hết XĐTBD từ 0 đến 0,5°C. Trong 3 tháng qua, tại khu vực NINO3.4, SSTA có giá trị lần lượt là 0,04°C; -0,06°C và -0,33°C (**Hình 1.2**). Chỉ số dao động Nam (SOI) trong 3 tháng là 1,8; 6,8 và 2,1 (**Hình 1.3**).

Chuẩn sai chỉ số gió tín phong (m/s) ở các khu vực XĐTBD: (1) Phía Tây: 1,3; 2,2 và 2,2; (2) Trung tâm: 1,0; 3,0 và 1,7; (3) Phía Đông: 1,5; 1,7 và -0,4. **Như vậy, trung bình 3 tháng qua, hoạt động của gió tín phong trên khu vực XĐTBD đều cao hơn TBNN.**

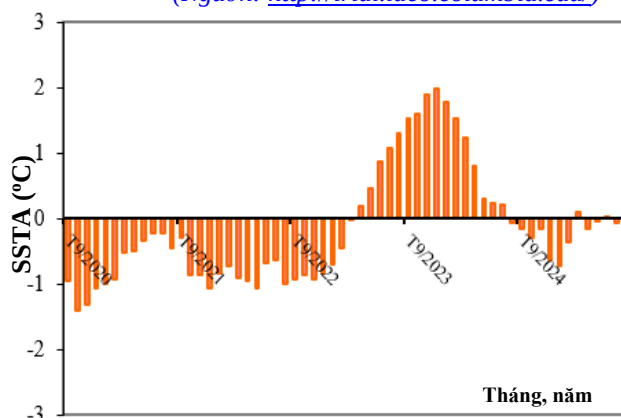
zlev 0.0 meters Time Jun-Aug 2025



Hình 1.1. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển trung bình mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 (°C)

(Nguồn: <http://iridl.ldeo.columbia.edu/>)

Hình 1.2. Diễn biến chỉ số SOI (9/2020 - 8/2025)

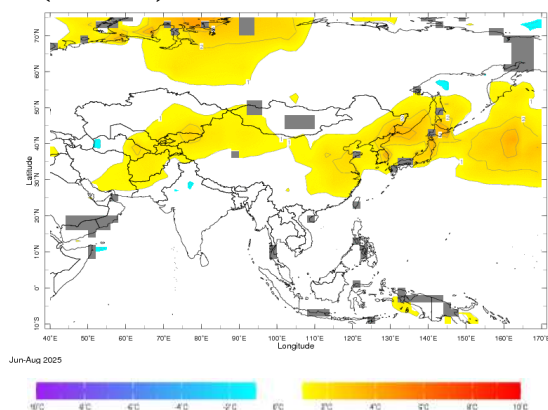
(Nguồn: www.bom.gov.au)

Hình 1.3. Diễn biến chỉ số SSTA (°C) tại khu vực NINO3.4 (9/2020 - 8/2025)

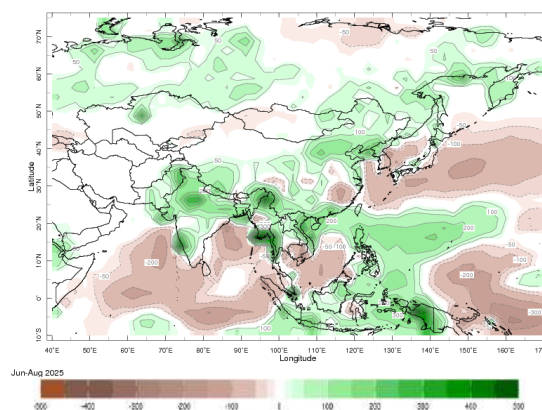
(Nguồn: <http://www.cpc.ncep.noaa.gov>)

Theo bản tin của Viện Nghiên cứu Quốc tế về Xã hội và Khí hậu (IRI), nhiệt độ trung bình (NĐTĐB) mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 có giá trị từ xấp xỉ đến cao hơn TBNN trên hầu hết diện tích châu Á, với chuẩn sai dao động từ 0 đến trên 2,0°C. Đối với lãnh thổ Việt Nam, NĐTĐB mùa 3 tháng qua xấp xỉ TBNN trên phạm vi cả nước (Hình 1.4).

Tổng lượng mưa (TLM) mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 cao hơn TBNN từ 50 đến trên 300 mm trên phần lớn diện tích Đông Nam Á; thấp hơn TBNN 25 – 100 mm xảy ra ở Campuchia, phía nam Thái Lan và một phần nhỏ phía tây Ấn Độ. Đối với lãnh thổ Việt Nam, TLM mùa 3 tháng qua cao hơn TBNN 50-300 mm ở Bắc Bộ, Trung Bộ, thấp hơn TBNN khoảng 25-100 mm ở Nam Bộ (Hình 1.5).



Hình 1.4. Phân bố chuẩn sai NĐTĐB mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 (°C) trên khu vực châu Á
(Nguồn: <http://iridl.ldeo.columbia.edu/>)



Hình 1.5. Phân bố chuẩn sai TLM mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 (mm) trên khu vực châu Á
(Nguồn: <http://iridl.ldeo.columbia.edu/>)

1.2. Diễn biến khí hậu ở Việt Nam

1.2.1. Nhiệt độ

NĐTĐB mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 từ 19,5 đến xấp xỉ 30,5°C, cao hơn TBNN từ 0,1 đến 1,0°C trên đại bộ phận diện tích cả nước; thấp hơn TBNN từ 0,1 đến 0,5°C ở một phần diện tích Tây Bắc và một số diện tích nhỏ thuộc khu vực Thanh Hóa đến Huế (Hình 1.6). NĐTĐB tháng 8/2025 từ gần 20 đến trên 30°C, cao hơn TBNN phổ biến từ 0,1 đến 1,5°C trên hầu hết diện tích cả nước; thấp hơn TBNN từ 0,1 đến 0,5°C ở Tây Bắc và một phần diện tích tỉnh Nghệ An (Hình 1.7 và Bảng 1.1).

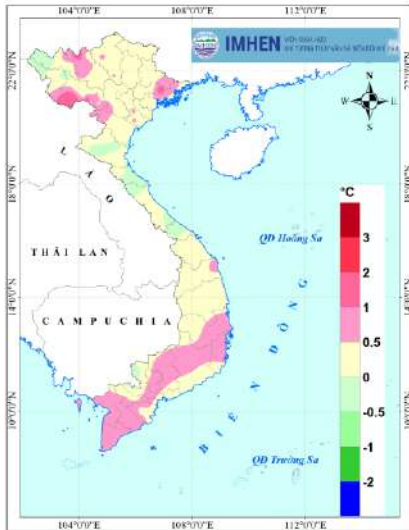
Nhiệt độ tối cao trung bình (NĐTCTB) mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 từ 23 đến xấp xỉ 35,5°C; cao hơn TBNN từ 0,1 đến 1,5°C trên đa phần diện tích nước ta; nhiệt độ thấp hơn TBNN từ 0,1 đến gần 1°C xảy ra ở khu vực từ Thanh Hóa đến TP.Huế (Hình 1.8). NĐTCTB tháng 8/2025 dao động từ dưới 23 đến trên 35,5°C, cao hơn TBNN từ 0,1 đến 2°C phần lớn cả nước; thấp hơn TBNN từ 0,1 đến 1°C ở một số diện tích nhỏ thuộc Bắc Bộ và khu vực từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh (Hình 1.9).

Nhiệt độ tối cao tuyệt đối (NĐTCTĐ) mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 và tháng 8/2025 phổ biến từ 30 đến 40°C. Giá trị lớn nhất quan trắc được trong tháng 8/2025 là 40,3°C tại trạm Láng (Hà Nội) vào ngày 4.

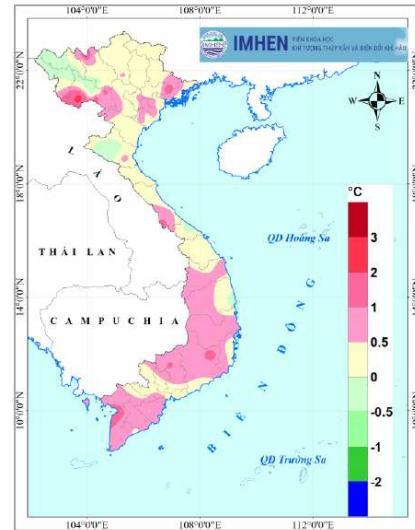
Nhiệt độ tối thấp trung bình (NĐTĐTB) mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 từ 17 đến 28°C, cao hơn TBNN từ 0,1 đến 2°C trên hầu khắp diện tích lãnh thổ (Hình 1.10). NĐTĐTB tháng 8/2025 từ 17 gần 27,5°C; cao hơn TBNN từ 0,1 đến trên 2°C trên hầu hết diện tích cả nước, thấp hơn TBNN 0,1 đến 1°C ở một phần nhỏ diện tích Tây Bắc (Hình 1.11 và Bảng 1.1).

Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối (NĐTĐĐ) mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 và trong tháng 8/2025 phổ biến từ 19 đến 24,5°C. Giá trị thấp nhất trong tháng 8/2025 là 14,7°C quan trắc được tại Sin

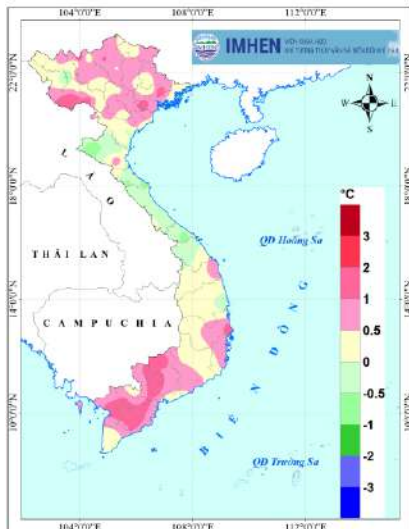
Hồ (Lai Châu) vào ngày 18.



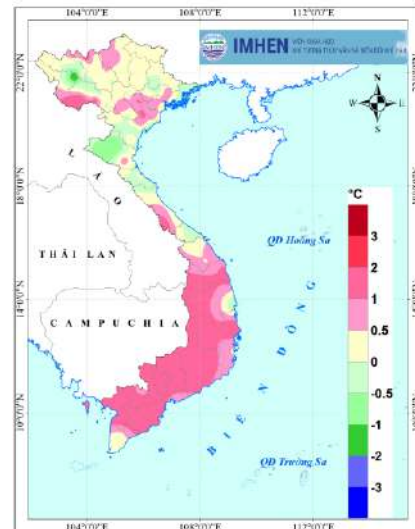
Hình 1.6. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 (°C)



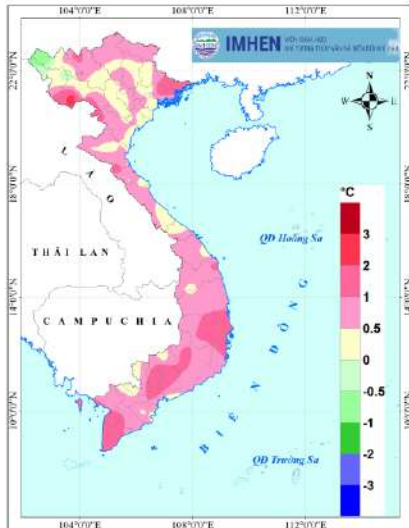
Hình 1.7. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng 8/2025 (°C)



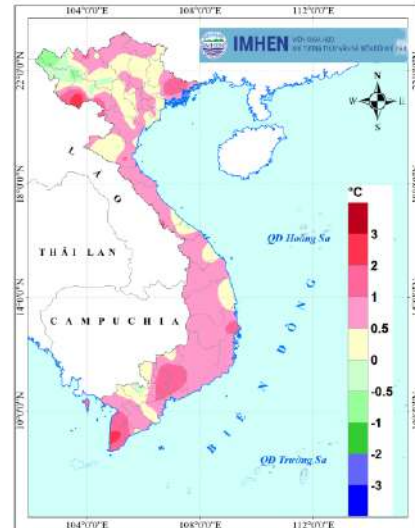
Hình 1.8. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 (°C)



Hình 1.9. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình tháng 8/2025 (°C)



Hình 1.10. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 (°C)



Hình 1.11. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình tháng 8/2025 (°C)

Bảng 1.1. Đặc trưng nhiệt độ tháng 8/2025 tại một số trạm quan trắc

Trạm	Nhiệt độ trung bình (°C)		Nhiệt độ tối cao (°C)			Nhiệt độ tối thấp (°C)		
	NĐTB	CS	NĐCTB	CS	NĐCTĐ	NĐTTB	CS	NĐTTĐ
Điện Biên	26,1	0,3	31,1	0,7	34,5	23,4	0,3	21,0
Sơn La	25,2	0,2	29,9	0,1	33,2	22,5	0,4	20,6
Sa Pa	20,0	0,5	22,9	-0,3	27,0	18,2	0,8	14,9
Bắc Quang	28,4	0,5	34,2	0,9	38,4	25,5	0,6	23,8
Lạng Sơn	27,1	0,4	31,5	0,1	36,5	24,5	0,6	22,7
Thái Nguyên	28,9	0,5	32,9	0,2	38,0	26,2	0,6	23,4
Láng	29,7	0,6	33,9	1,1	40,3	27,3	1,0	24,8
Bãi Cháy	28,5	0,3	31,3	0,0	36,3	26,2	0,6	23,2
Phù Lũng	28,1	0,2	31,9	0,2	37,5	25,5	0,0	22,8
Thanh Hoá	28,7	0,4	32,1	-0,2	38,5	26,5	0,6	24,0
Vinh	29,2	0,1	32,9	-0,2	39,0	26,7	0,7	23,3
Huế	28,3	-0,3	33,9	-0,3	38,3	24,8	-0,1	23,5
Đà Nẵng	29,4	0,4	34,3	0,5	38,6	26,1	0,7	24,3
Quy Nhơn	29,8	-0,3	33,9	-0,7	38,1	27,1	0,1	25,5
Nha Trang	28,9	0,1	33,0	0,4	35,0	26,4	0,8	24,4
Phan Thiết	27,6	0,2	32,6	1,1	35,3	25,5	0,7	23,8
Plây cu	23,4	0,8	27,5	1,3	29,7	21,1	0,9	19,9
B.M. Thuật	25,2	0,7	30,1	1,0	32,7	22,4	1,0	20,9
Đà Lạt	19,9	1,2	23,8	1,2	27,2	17,0	0,8	14,8
Tân Sơn Nhất	27,8	0,3	33,1	1,3	36,9	25,9	1,6	23,1
Vũng Tàu	28,3	0,3	31,6	0,7	33,2	25,9	0,5	22,5
Rạch Giá	29,0	1,1	31,6	1,8	33,8	26,6	1,1	23,8
Cần Thơ	28,0	0,9	32,7	1,7	35,0	25,0	0,6	23,4
Cà Mau	28,5	0,9	31,5	0,2	33,8	26,9	2,2	24,8

(Chú thích: NĐTB: Nhiệt độ trung bình; CS: Chuẩn sai; NĐCTB: Nhiệt độ tối cao trung bình; NĐCTĐ: Nhiệt độ tối cao tuyệt đối; NĐTTB: Nhiệt độ tối thấp trung bình; NĐTTĐ: Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối).

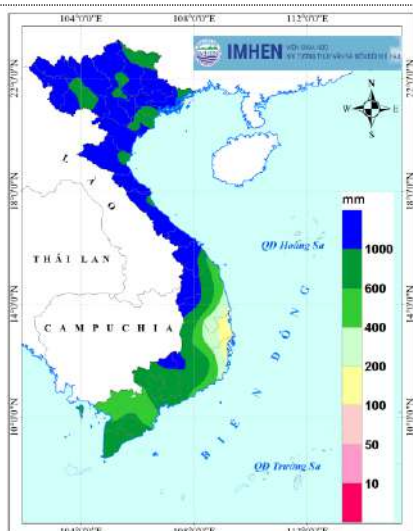
1.2.2. Lượng mưa

Trong mùa 3 tháng 6-8 năm 2025, tổng lượng mưa (TLM) trên đại bộ phận diện tích nước ta phổ biến từ 400 đến 1500 mm; khu vực duyên hải từ Gia Lai đến Khánh Hòa có TLM dưới 400 mm (Hình 1.12). Lượng mưa cao hơn TBNN tập trung chủ yếu ở phía bắc lãnh thổ, trong đó khu vực các tỉnh từ Thanh Hóa đến TP.Đà Nẵng có tỷ chuẩn lượng mưa trên 150%; lượng mưa thấp hơn TBNN ở các tỉnh từ Quảng Ngãi trở vào, với tỷ chuẩn lượng mưa từ 70 đến dưới 100% (Hình 1.13).

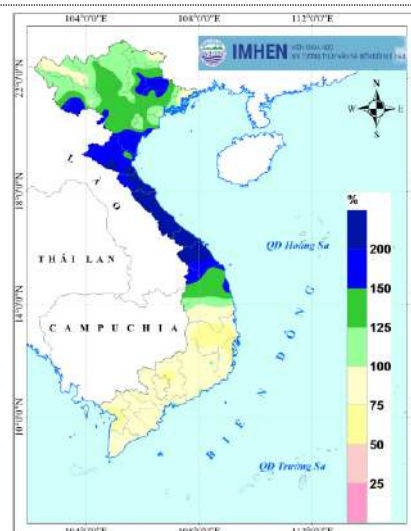
Trong tháng 8/2025, TLM ở phần lớn nước ta từ 200 đến 700 mm, khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ và đa phần diện tích phía tây khu vực Nam Bộ có lượng mưa từ 80 đến 200 mm (Hình 1.14 và Bảng 1.2). Lượng mưa thấp hơn TBNN từ 50 đến dưới 100% ở một phần Tây Bắc, Cao nguyên Trung Bộ và đa phần Nam Bộ, cao hơn TBNN 100 đến 250% ở các khu vực còn lại trên lãnh thổ nước ta (Hình 1.15).

Lượng mưa ngày lớn nhất (LMNLN) trong mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 phổ biến từ 50 đến 300 mm; trong tháng 8/2025 phổ biến từ 30 đến 250 mm (Bảng 1.2). Giá trị lớn nhất của LMNLN tháng 8/2025 là 304 mm quan trắc được tại Kỳ Anh (Hà Tĩnh) vào ngày 25.

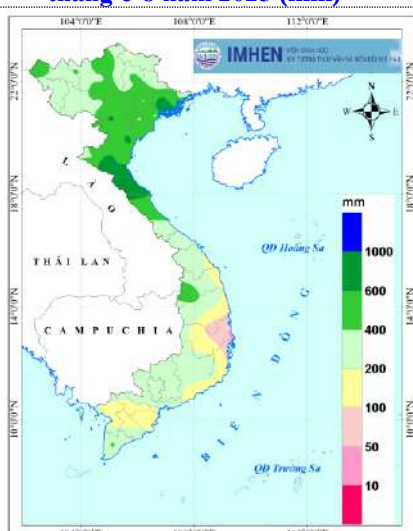
Số ngày mưa (SNM) trong mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 trên đa phần diện tích lãnh thổ cao hơn TBNN từ 1 đến 16 ngày, thấp hơn TBNN ở các tỉnh từ Đắk Lắk trở vào (Hình 1.16). Trong tháng 8/2025, SNM cao hơn TBNN ở phía bắc (từ TP. Đà Nẵng trở ra), thấp hơn TBNN ở các tỉnh từ Quảng Ngãi trở vào. Chuẩn sai SNM trong tháng 8/2025 chủ yếu từ -5 đến 7 ngày (Hình 1.17 và Bảng 1.2).



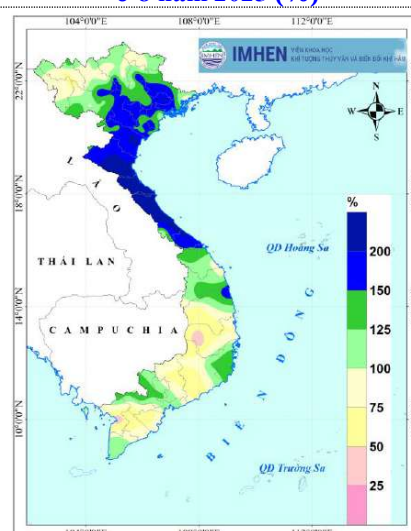
Hình 1.12. Phân bố tổng lượng mưa mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 (mm)



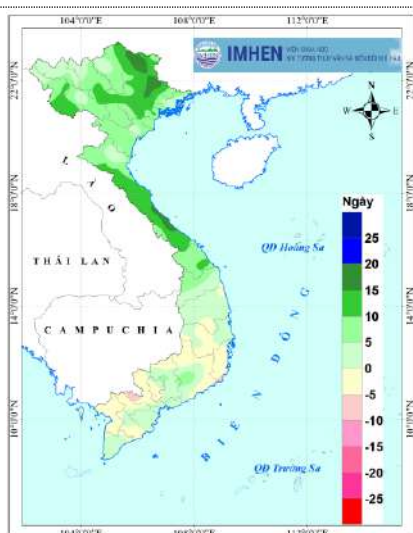
Hình 1.13. Phân bố tỷ chuẩn lượng mưa mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 (%)



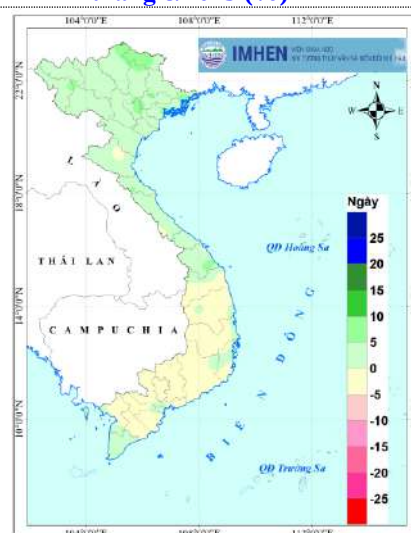
Hình 1.14. Phân bố lượng mưa tháng 8/2025 (mm)



Hình 1.15. Phân bố tỷ chuẩn lượng mưa tháng 8/2025 (%)



Hình 1.16. Phân bố chuẩn sai số ngày mưa mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 (ngày)



Hình 1.17. Phân bố chuẩn sai số ngày mưa tháng 8/2025 (ngày)

Bảng 1.2. Đặc trưng lượng mưa tháng 8/2025 tại một số trạm quan trắc

Trạm	Lượng mưa tháng		Số ngày mưa		LMNLN (mm)
	TLM (mm)	TC (%)	SNM (ngày)	CS (ngày)	
Điện Biên	314	95,3	23	2,7	51
Sơn La	277	106,7	20	0,7	91
Sa Pa	448	93,2	25	2,1	186
Bắc Quang	566	93,9	22	-0,2	111
Lạng Sơn	330	152,2	20	3,1	66
Thái Nguyên	466	147,1	20	2,5	108
Láng	573	172,3	22	6,1	234
Bãi Cháy	701	163,8	23	5,1	109
Phù Liên	374	103,5	22	5,0	72
Thanh Hoá	593	201,8	20	5,1	161
Vinh	927	379,4	15	2,4	267
Huế	326	202,3	15	3,7	70
Đà Nẵng	244	146,4	10	-2,1	76
Quy Nhơn	92	100,2	11	1,3	49
Nha Trang	80	150,1	10	0,0	52
Phan Thiết	99	58,5	14	-4,8	21
Plây cu	304	66,9	29	1,5	34
B.M. Thuột	134	42,5	23	-1,9	29
Đà Lạt	302	127,8	26	1,0	96
Tân Sơn Nhất	360	133,0	22	-0,4	94
Vũng Tàu	250	118,7	19	-0,2	140
Rạch Giá	108	34,8	21	-0,4	28
Cần Thơ	139	60,8	22	0,0	19
Cà Mau	406	122,2	24	1,8	63

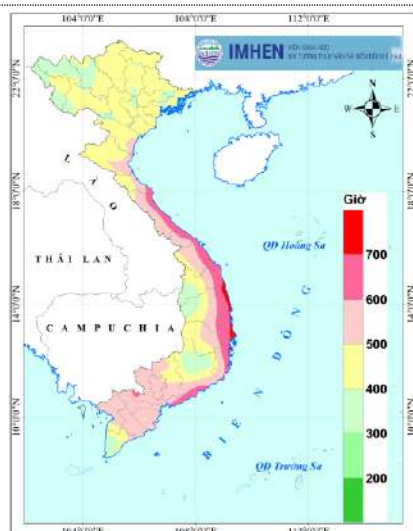
(Chú thích: TLM: Tổng lượng mưa; TC: Tỷ chuẩn; SNM: Số ngày mưa; CS: Chuẩn sai; LMNLN: Lượng mưa ngày lớn nhất).

1.2.3. Tổng số giờ nắng, tổng lượng bốc hơi và chỉ số ẩm

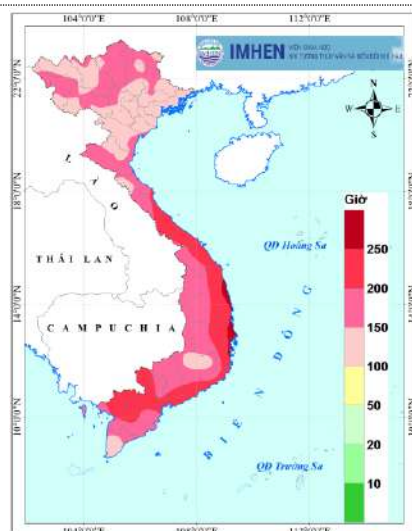
Tổng số giờ nắng (TSGN) mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 ở Bắc Bộ, các tỉnh Thanh Hóa – Nghệ An và khu vực Cao nguyên Trung Bộ phổ biến 300 đến 500 giờ, các tỉnh từ Hà Tĩnh đến TP. Huế, khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ và Nam Bộ có TSGN từ 500 đến 700 giờ. Trong tháng 8/2025, TSGN ở nước ta phổ biến từ 120 đến 250 giờ, trong đó thấp nhất ở Bắc Bộ, cao nhất là khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ và các tỉnh Quảng Trị, TP. Huế (Hình 1.18 và Hình 1.19).

Tổng lượng bốc hơi (TLBH) mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 trên lãnh thổ nước ta phổ biến từ 100 đến 350 mm và trong tháng 8/2025 phổ biến 40 đến 120 mm, trong đó khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ và tỉnh Quảng Trị có TLBH cao nhất cả nước (Hình 1.20 và Hình 1.21).

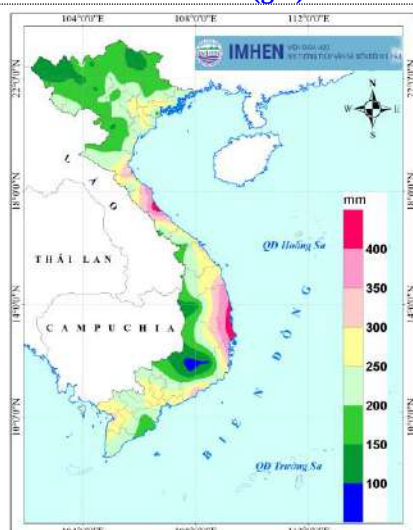
Chỉ số ẩm (A) trong 3 tháng 6-8/2025 và trong tháng 8/2025 có giá trị lớn hơn 1 trên hầu hết diện tích cả nước; A nhỏ hơn 1 chỉ xảy ra ở một số khu vực ven biển các tỉnh Đắk Lắk và Khánh Hòa (Hình 1.22, Hình 1.23).



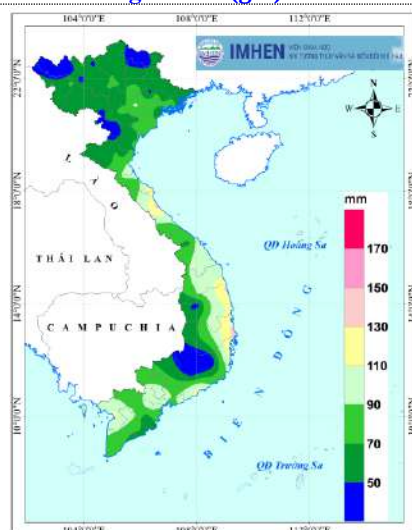
Hình 1.18. Phân bố tổng số giờ nắng mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 (giờ)



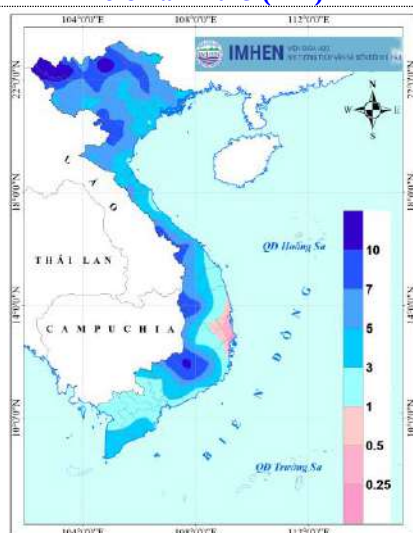
Hình 1.19. Phân bố tổng số giờ nắng tháng 8/2025 (giờ)



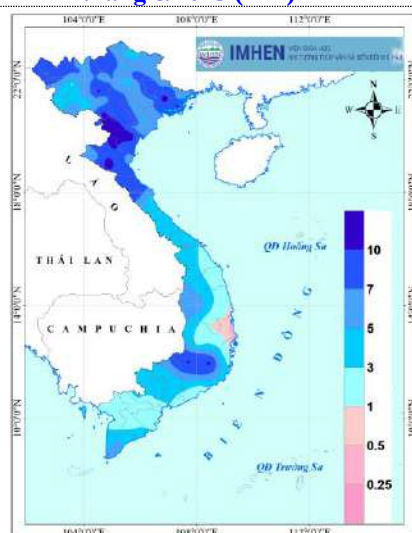
Hình 1.20. Phân bố tổng lượng bốc hơi mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 (mm)



Hình 1.21. Phân bố tổng lượng bốc hơi tháng 8/2025 (mm)



Hình 1.22. Phân bố chỉ số ẩm mùa 3 tháng 6-8 năm 2025



Hình 1.23. Phân bố chỉ số ẩm tháng 8/2025

1.2.4. Hiện tượng thời tiết nguy hiểm

Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ): Trong 3 tháng qua có 9 XTNĐ (3 ATNĐ và 6 cơn bão) hoạt động trên Biển Đông, trong đó tháng 6, tháng 7/2025 có 5 cơn và tháng 8/2025 có 4 cơn (các XTNĐ xảy ra trong tháng 6, 7 đã được trình bày chi tiết ở các bản Thông báo và dự báo khí hậu mùa 3 tháng số tháng 7 và 8). Trong tháng 8/2025, ATNĐ hoạt động từ ngày 8 đến 9/8, suy yếu và tan trên khu vực Bắc Biển Đông, không ảnh hưởng đến nước ta; ATNĐ hoạt động trên Biển Đông từ ngày 16/8 đến 19/8, đổ bộ vào Quảng Ninh-Hải Phòng, gây mưa vừa, mưa to cho khu vực Bắc Bộ đến bắc khu vực Thanh Hóa đến Huế; Bão số 5 (KAJIKI) hoạt động trên Biển Đông từ ngày 22/8 đến ngày 25/8, đổ bộ vào Nghệ An-Hà Tĩnh, gây mưa lớn ở các tỉnh đồng bằng và trung du thuộc khu vực Đông Bắc Bộ, các tỉnh từ Thanh Hóa đến Quảng Trị; Bão số 6 (NONGFA) hoạt động trên Biển Đông từ 27/8 đến 30/8 đổ bộ vào đất liền các tỉnh Hà Tĩnh-Quảng Trị, hoàn lưu của bão số 6 gây mưa lớn cho các tỉnh từ Nghệ An đến Đà Nẵng.

Mưa lớn: Có 7 đợt mưa lớn diện rộng xảy ra trong 3 tháng qua, trong đó, tháng 6 và tháng 7 có 4 đợt, tháng 8 có 3 đợt. Đợt mưa ngày 17-18/8 xảy ra ở các khu vực từ phía nam đồng bằng Bắc Bộ đến duyên hải Quảng Ngãi, do ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới ngày 16/8, lượng mưa phổ biến cả đợt 70-150 mm. Đợt mưa ngày 25-26/8 xảy ra ở Bắc Bộ đến Quảng Trị do ảnh hưởng của bão số 5, lượng mưa cả đợt phổ biến 150 đến 350 mm, có nơi trên 500 mm. Đợt mưa ngày 30-31/8 xảy ra ở Thanh Hóa đến bắc Đà Nẵng, do hoàn lưu bão số 6, lượng mưa phổ biến cả đợt 100 – 200 mm. Ngoài ra, khu vực trung du và miền núi Bắc Bộ, xảy ra nhiều ngày mưa lớn cục bộ, tập trung chủ yếu trong các ngày 1/8, 6-7/8, 15/8 và 19/8.

Đông lạnh: Có 21 trận đông lạnh xảy ra trong mùa 3 tháng qua, trong đó, tháng 6, tháng 7 có 14 trận, tháng 8 có 7 trận. Các trận đông lạnh trong tháng 8/2025 xảy ra chủ yếu ở các tỉnh thuộc Bắc Bộ, Trung Bộ.

Nắng nóng: Trong mùa 3 tháng qua có 9 đợt nắng nóng diện rộng, trong đó tháng 6 và tháng 7/2025 có 6 đợt; tháng 8/2025 có 3 đợt. Đợt nắng nóng diện rộng ngày 2-4/8 xảy ra ở miền núi và trung du Bắc Bộ (nhiệt độ tối cao phổ biến 36 -38°C), ngày 2-5/8 ở đồng bằng Đông Bắc Bộ đến Huế (nhiệt độ tối cao phổ biến 37-39°C, có nơi trên 40°C); đợt nắng nóng ngày 9-13/8 xảy ra ở miền núi và trung du Bắc Bộ (35,5-37°C), ngày 8-14/8 ở đồng bằng Bắc Bộ, khu vực Thanh Hóa đến Huế (nhiệt độ tối cao 36-38°C). Đợt nắng nóng kéo dài từ 28/7 đến 14/8 ở khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ, với nhiệt độ tối cao phổ biến 35,5-38,5°C. Các khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ, nắng nóng chỉ xảy ra cục bộ, nhiệt độ cao nhất ngày từ 35- 38°C.

Tình hình thiệt hại do thiên tai có nguồn gốc khí tượng thủy văn (KTTV)

Thiệt hại do thiên tai có nguồn gốc KTTV trong mùa 3 tháng qua chủ yếu do đông lạnh, sét, bão, mưa lớn, lũ quét, sạt lở đất gây ra. Theo số liệu thống kê sơ bộ do Ban chỉ đạo quốc gia về phòng chống thiên tai (<https://phongchongthientai.mard.gov.vn>) công bố, có 108 người chết và mất tích, 102 người bị thương, trên 50.500 ngôi nhà bị sập, tốc mái, hư hỏng, gần 385.000 ha lúa, hoa màu và cây ăn quả bị thiệt hại, hơn 220.000 con gia súc, gia cầm bị chết và nhiều thiệt hại khác về cây công nghiệp, thủy sản, thủy lợi, giao thông,...

Diễn biến của khí hậu mùa 3 tháng 6 - 8 năm 2025:**(1) Nhiệt độ**

- **Mùa 3 tháng 6-8 năm 2025:** NĐTB mùa 3 tháng 6-8 năm 2025 cao hơn TBNN chủ yếu từ 0,1 đến 1,0°C trên đại bộ phận diện tích cả nước; thấp hơn TBNN từ 0,1 đến 0,5°C ở một phần diện tích Tây Bắc và một số khu vực nhỏ thuộc khu vực Thanh Hóa đến Huế. NĐTCB cao hơn TBNN từ 0,1 đến 1,5°C trên đa phần diện tích nước ta; nhiệt độ thấp hơn TBNN từ 0,1 đến gần 1°C xảy ra ở khu vực từ Thanh Hóa đến TP.Huế. NĐTTB cao hơn TBNN từ 0,1 đến 2°C trên hầu khắp diện tích lãnh thổ.
- **Tháng 8/2025:** NĐTB cao hơn TBNN phổ biến từ 0,1 đến 1,5°C trên hầu hết diện tích cả nước; thấp hơn TBNN từ 0,1 đến 0,5°C ở Tây Bắc và một phần diện tích Nghệ An. NĐTCB cao hơn TBNN từ 0,1 đến 2°C phần lớn cả nước; thấp hơn TBNN từ 0,1 đến 1°C ở một số khu vực nhỏ thuộc Bắc Bộ và khu vực từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh. NĐTTB cao hơn TBNN từ 0,1 đến trên 2°C trên hầu hết diện tích cả nước, thấp hơn TBNN 0,1 đến 1°C ở một phần nhỏ diện tích Tây Bắc.
- **Cực trị nhiệt độ tháng 8/2025:** Giá trị lớn nhất quan trắc được trong tháng 8/2025 là 40,3°C tại trạm Láng (Hà Nội) vào ngày 4. Giá trị thấp nhất trong tháng 8/2025 là 14,7°C quan trắc được tại Sìn Hồ (Lai Châu) vào ngày 18.

(2) Lượng mưa

- **Mùa 3 tháng 6-8 năm 2025:** TLM cao hơn TBNN tập trung chủ yếu ở phía bắc lãnh thổ, trong đó khu vực các tỉnh từ Thanh Hóa đến TP.Đà Nẵng có tỷ chuẩn lượng mưa trên 150%; lượng mưa thấp hơn TBNN ở các tỉnh từ Quảng Ngãi trở vào, với tỷ chuẩn lượng mưa từ 70 đến dưới 100%.
- **Tháng 8/2025:** TLM cao hơn TBNN 100 đến 250% ở phần lớn diện tích nước ta, thấp hơn TBNN chủ yếu từ 50 đến dưới 100% ở một phần Tây Bắc, Cao nguyên Trung Bộ và đa phần Nam Bộ. LMNLN phổ biến từ 30 đến 250 mm, với giá trị lớn nhất là 304 mm quan trắc được tại Kỳ Anh (Hà Tĩnh) vào ngày 25.

(3) Hiện tượng thời tiết nguy hiểm

- **Trong mùa 3 tháng 6-8 năm 2025,** có 9 XTNĐ hoạt động trên Biển Đông, 7 đợt mưa lớn diện rộng, có 19 trận dông lốc và 9 đợt nắng nóng diện rộng xảy ra trên lãnh thổ nước ta.

PHẦN II: DỰ BÁO KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 10, 11, 12 NĂM 2025**2.1. Dự báo hiện tượng ENSO và khí hậu khu vực****2.1.1. Hiện tượng ENSO**

Bản tin của CPC (ngày 25/08/2025): Hiện tại, điều kiện khí quyển và đại dương phản ánh ENSO ở trạng thái trung tính nghiêng về pha lạnh. Dự báo ENSO có khả năng chuyển sang trạng thái La Niña trong mùa 3 tháng 10-12/2025 với xác suất khoảng 71%, La Niña có khả năng duy trì đến hết mùa 12/2025-1/2026 với xác suất từ 55-65%.

Dự báo của IRI: Trên khu vực xích đạo TBD, SSTA phổ biến từ $-0,25$ đến $1,0^{\circ}\text{C}$ ở phía Tây; từ $-2,0$ đến $0,25^{\circ}\text{C}$ ở Trung tâm và phía Đông. SSTA từ $-0,25$ đến $0,5^{\circ}\text{C}$ trên khu vực xích đạo Đại Tây Dương và từ $-0,5$ đến $0,25^{\circ}\text{C}$ trên khu vực xích đạo Ấn Độ Dương. Trên khu vực Biển Đông, SSTA phổ biến từ $-0,25$ đến $0,5^{\circ}\text{C}$ (Hình 2.1). Theo nhận định của IRI, ENSO có khả năng chuyển pha từ trạng thái trung tính sang La Niña trong mùa 3 tháng 10-12/2025 với xác suất khoảng 60%, và nhiều khả năng duy trì đến mùa 12/2025-1/2026 với xác suất 50-60%.

Dự báo của Trung tâm Dự báo Thời tiết Hạn vừa châu Âu (ECMWF): SSTA trong mùa 3 tháng 10-12 năm 2025 tại khu vực NINO3.4 có giá trị phổ biến từ -1°C đến 0°C , trong đó nhiều phương án đều cho rằng ENSO sẽ ở trạng thái La Niña (Hình 2.2).

Cơ quan Khí tượng Úc (BOM) cũng nhận định rằng có thể xảy ra trạng thái La Niña ngắn trong suốt mùa xuân, nhưng sau đó có khả năng trở lại trạng thái trung tính vào đầu mùa hè.

Hiện tại, điều kiện khí quyển và đại dương phản ánh ENSO đang ở trạng thái trung tính, nghiêng về pha lạnh. Dự báo ENSO có khả năng chuyển sang trạng thái La Niña trong mùa 3 tháng 10-12 năm 2025 với xác suất khoảng 60-70%.

2.1.2. Dự báo khí hậu khu vực Châu Á**Nhiệt độ:**

Theo dự báo của IRI, NĐTB mùa 3 tháng 10-12 năm 2025 có khả năng xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở hầu hết Châu Á với xác suất từ 40 đến trên 70%. Trên khu vực Việt Nam, NĐTB có khả năng xấp xỉ TBNN trên cả nước (Hình 2.3).

Theo dự báo của ECMWF, NĐTB mùa 3 tháng 10-12 năm 2025 có xu thế xấp xỉ đến cao hơn TBNN từ 0 đến $2,0^{\circ}\text{C}$ ở hầu hết Châu Á, riêng khu vực Nam Á một số nơi ở mức xấp xỉ đến thấp hơn so với TBNN từ $0-1,0^{\circ}\text{C}$. Trên khu vực Việt Nam, NĐTB xấp xỉ TBNN ở hầu hết các khu vực trên cả nước, riêng khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ ở mức xấp xỉ đến cao hơn từ $0-0,5^{\circ}\text{C}$. (Hình 2.4).

Dự báo khí hậu của các cơ quan khí tượng trên thế giới như Anh, Mỹ, Pháp, Úc cho thấy NĐTB mùa 3 tháng 10-12 năm 2025 có xu thế xấp xỉ TBNN ở hầu hết các khu vực trên lãnh thổ Việt Nam. Theo Cục Khí tượng Nhật Bản, NĐTB có xu thế xấp xỉ đến thấp hơn TBNN ở khu vực Bắc Bộ và từ Thanh Hóa đến Huế với xác suất 40-60%, các khu vực còn lại ở mức xấp xỉ TBNN.

Nhận định: Kết quả dự báo của các mô hình trên thế giới cho thấy trong mùa 3 tháng 10-12 năm 2025, nhiệt độ có khả năng thấp hơn đến xấp xỉ TBNN ở Bắc Bộ và khu vực từ Thanh Hóa đến Huế; xấp xỉ TBNN ở Cao nguyên Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

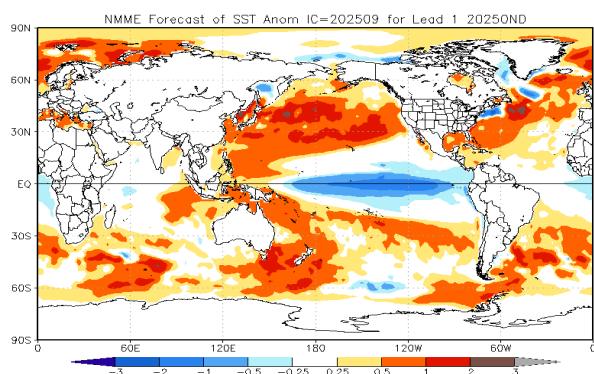
Lượng mưa:

Theo dự báo của IRI, TLM mùa 3 tháng 10-12 năm 2025 xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở phần lớn diện tích của Bắc Á, Nam Á, Đông Nam Á với xác suất từ 40 đến trên 70%; xấp xỉ đến thấp hơn TBNN ở phần lớn diện tích của Tây Á, Trung Á, Đông Á và một phần diện tích Bắc Á, với xác suất từ 40 đến 70% (Hình 2.5). Trên khu vực Việt Nam, TLM xấp xỉ TBNN ở Bắc Bộ; cao hơn TBNN ở Trung Bộ và Nam Bộ với xác suất từ 40-70%.

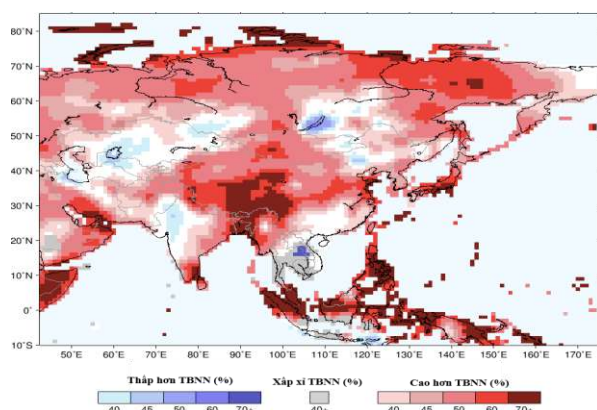
Theo dự báo của ECMWF, TLM xấp xỉ đến cao hơn TBNN từ 0 đến 200 mm ở phần lớn diện tích của Nam Á, Đông Nam Á, một phần diện tích của Bắc Á; xấp xỉ đến thấp hơn TBNN từ 0 đến 50 mm ở phần lớn diện tích Tây Á, Trung Á và một phần diện tích của Bắc Á, Đông Á. Trên khu vực Việt Nam, TLM xấp xỉ TBNN ở Bắc Bộ; cao hơn TBNN ở Trung Bộ và Nam Bộ từ 50 đến 200 mm (Hình 2.6).

Ngoài các kết quả dự báo của IRI và ECMWF, một số cơ quan khí tượng của Úc, Nhật Bản, Anh, Pháp, Mỹ cũng cho kết quả dự báo tương tự ở một số khu vực, cụ thể TLM trên khu Trung Bộ và Nam Bộ ở mức xấp xỉ đến cao hơn TBNN, xấp xỉ TBNN ở khu vực Bắc Bộ.

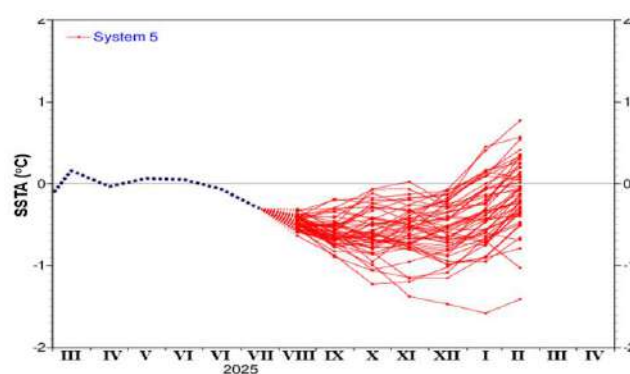
Nhận định: Kết quả dự báo của các mô hình trên thế giới cho thấy trong mùa 3 tháng 10-12 năm 2025, TLM có khả năng xấp xỉ TBNN ở Bắc Bộ; xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở khu vực từ Thanh Hóa đến Huế và Cao nguyên Trung Bộ; cao hơn TBNN ở Duyên hải Nam Trung Bộ và Nam Bộ.



Hình 2.1. Dự báo SSTA mùa 3 tháng 10-12 năm 2025
(Nguồn: <http://iridl.ldeo.columbia.edu>)

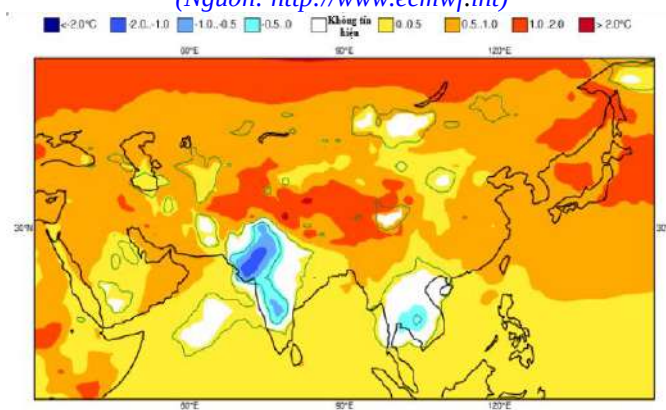


Hình 2.3. Dự báo xác suất nhiệt độ mùa 3 tháng 10-12 năm 2025 cho khu vực châu Á
(Nguồn: <http://iri.columbia.edu>)



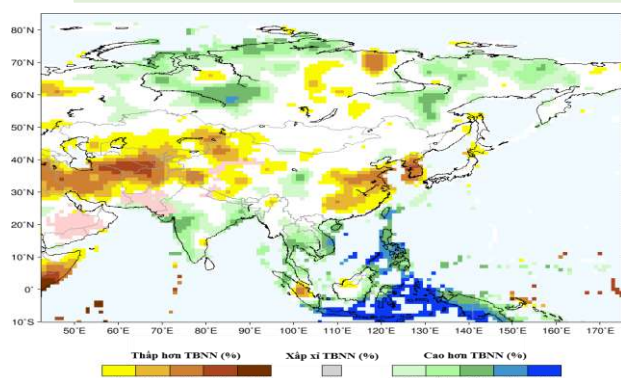
Hình 2.2. Dự báo SSTA tại khu vực NINO3.4 mùa 3 tháng 10-12 năm 2025

(Nguồn: <http://www.ecmwf.int>)



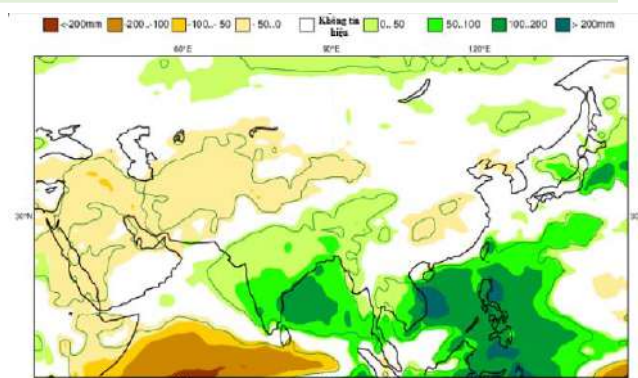
Hình 2.4. Dự báo chuẩn sai nhiệt độ mùa 3 tháng 10-12 năm 2025

(Nguồn: <http://www.ecmwf.int>)



Hình 2.5. Dự báo xác suất lượng mưa mùa 3 tháng 10-12 năm 2025 cho khu vực châu Á

(Nguồn: <http://iri.columbia.edu>)



Hình 2.6. Dự báo chuẩn sai lượng mưa mùa 3 tháng 10-12 năm 2025

(Nguồn: <http://www.ecmwf.int>)

2.2. Dự báo khí hậu cho Việt Nam

2.2.1. Dự báo nhiệt độ

Theo mô hình thống kê của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, NĐTB mùa 3 tháng 10-12 năm 2025 có khả năng xấp xỉ đến cao hơn TBNN hầu hết diện tích trên cả nước với xác suất từ 44 đến trên 77%; xấp xỉ đến thấp hơn TBNN ở một phần diện tích của khu vực từ Thanh Hóa đến Huế, Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ. Chuẩn sai nhiệt độ được dự báo phổ biến từ dưới -0,5 đến 1,5°C (Hình 2.7, Bảng 2.1).

2.2.2. Dự báo lượng mưa

Theo mô hình thống kê của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, TLM mùa 3 tháng 10-12 năm 2025 có khả năng xấp xỉ TBNN ở Bắc Bộ và một phần diện tích Đông Nam Bộ; xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở Trung Bộ và phần lớn diện tích Nam Bộ với xác suất từ 44 đến trên 77% (Hình 2.8, Bảng 2.1). Chuẩn sai TLM mùa 3 tháng được dự báo phổ biến từ -200 mm đến 600 mm.

2.2.3. Hiện tượng thời tiết và khí hậu cực đoan

Theo thống kê, trong giai đoạn 1991–2020, trung bình mùa 3 tháng 10–12 trên khu vực Biển Đông có khoảng 4–5 XTND hoạt động và 2–3 cơn ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam. Nhận định trong trường hợp ENSO chuyển sang trạng thái La Niña trong mùa 3 tháng 10–12 và duy trì đến hết năm 2025, số lượng XTND hoạt động trên Biển Đông cũng như ảnh hưởng đến Việt Nam (đặc biệt khu vực Trung Bộ) có khả năng ở mức xấp xỉ TBNN (TBNN: 4–5 cơn trên Biển Đông, 2–3 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam).

Mùa khô 2025/2026 ở Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ khả năng xấp xỉ đến muộn hơn so với TBNN. Khả năng xuất hiện các đợt mưa trái mùa làm giảm bớt điều kiện khô hạn trên khu vực.

PHẦN III: NHẬN ĐỊNH KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 10, 11, 12 năm 2025

Một số nhận định chính về khí hậu mùa 3 tháng 10, 11, 12 năm 2025

Trên cơ sở phân tích diễn biến khí hậu và kết quả dự báo khí hậu (kết quả mô hình thống kê và động lực của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, bản tin của các trung tâm dự báo khí hậu trên thế giới), một số nhận định khí hậu mùa 3 tháng 10-12 năm 2025 như sau:

1) Hoạt động của ENSO:

- Hiện tại, điều kiện khí quyển và đại dương phản ánh ENSO đang ở trạng thái trung tính, nghiêng về pha lạnh. Dự báo ENSO có khả năng chuyển sang trạng thái La Niña trong mùa 3 tháng 10-12 năm 2025 với xác suất khoảng 60-70%.

(2) Gió mùa:

- Gió mùa mùa đông (GMMĐ) có khả năng bắt đầu ở mức xấp xỉ TBNN. Cường độ GMMĐ có khả năng xấp xỉ đến mạnh hơn TBNN ở nửa đầu mùa (tháng 11-12).

(3) Nhiệt độ:

- Trong mùa 3 tháng 10-12 năm 2025, nhiệt độ có khả năng thấp hơn đến xấp xỉ TBNN ở Bắc Bộ và khu vực từ Thanh Hóa đến Huế; xấp xỉ TBNN ở Cao nguyên Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

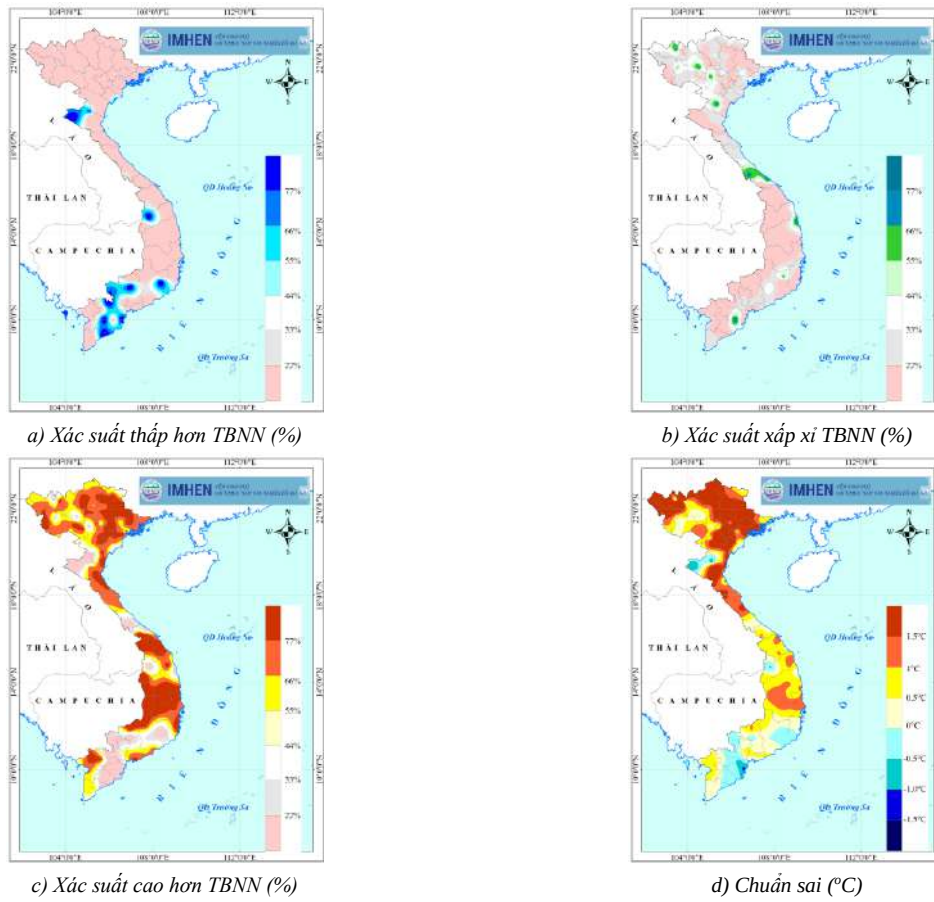
(4) Lượng mưa:

- Trong mùa 3 tháng 10-12 năm 2025, TLM có khả năng xấp xỉ TBNN ở Bắc Bộ; xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở khu vực từ Thanh Hóa đến Huế và Cao nguyên Trung Bộ; cao hơn TBNN ở Duyên hải Nam Trung Bộ và Nam Bộ. Đề phòng các đợt mưa lớn xảy ra gây ngập lụt nghiêm trọng cho khu vực Trung Bộ.

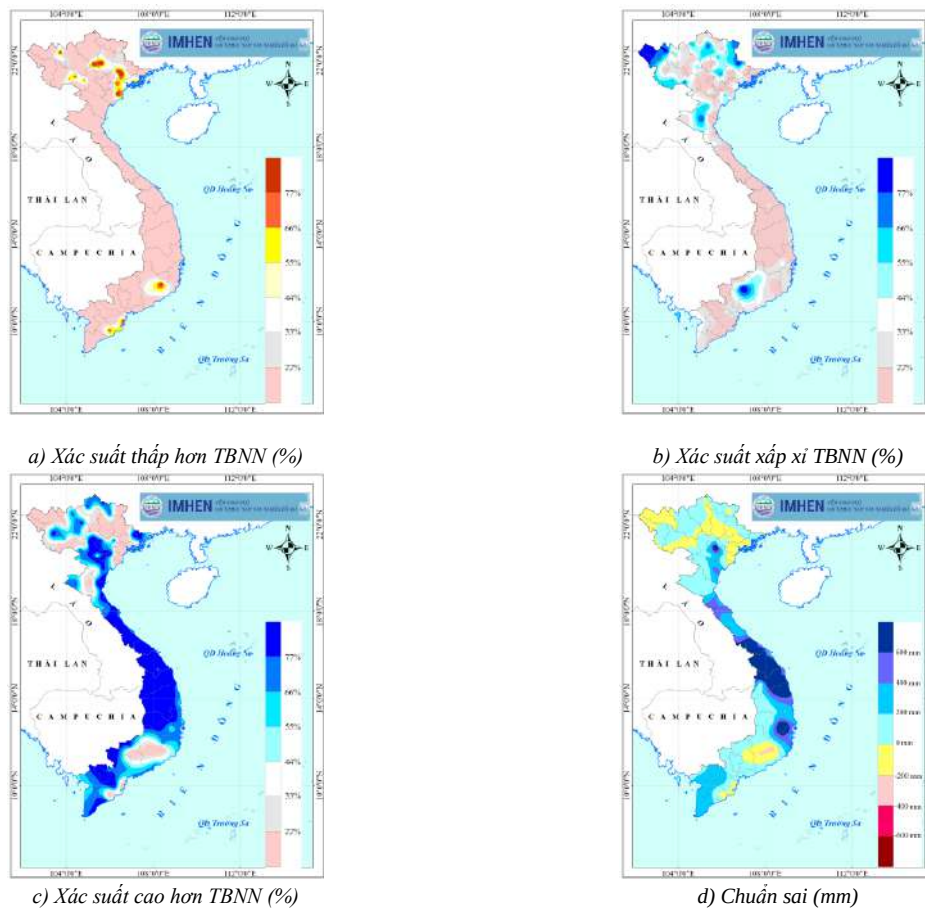
(5) Hiện tượng thời tiết và khí hậu cực đoan:

- *Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ)*: Trong mùa 3 tháng 10-12 năm 2025, số lượng XTNĐ hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam (đặc biệt khu vực Trung Bộ) có khả năng xấp xỉ TBNN (TBNN: 4-5 cơn trên Biển Đông và 2-3 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam).

- *Điều kiện khô hạn*: Mùa khô 2025/2026 ở Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ khả năng xấp xỉ đến muộn hơn so với TBNN. Khả năng xuất hiện các đợt mưa trái mùa làm giảm bớt điều kiện khô hạn trên khu vực.



Hình 2.7. Dự báo xác suất (a,b,c) và chuẩn sai (d) nhiệt độ mùa 3 tháng 10-12 năm 2025



Hình 2.8. Dự báo xác suất (a, b, c) và chuẩn sai (d) lượng mưa mùa 3 tháng 10-12 năm 2025

Bảng 2.1. Dự báo xác suất nhiệt độ và lượng mưa mùa 3 tháng 10-12 năm 2025

STT	Trạm	Nhiệt độ				Lượng mưa			
		PV1(*) (oC)	XSHC (%)	PV2 (oC)	XSVC (%)	PV1 (mm)	XSHC (%)	PV2 (mm)	XSVC (%)
Tây Bắc Bộ									
1	Mường Tè	20,1	0	20,5	71,4	140,8	15,4	225,7	7,7
2	Sìn Hồ	12,8	0	13,4	62,5	212,8	18,8	318,1	12,5
3	Lai Châu	20,2	0	20,8	76,9	122,3	20	175,1	10
4	Điện Biên	19,2	0	19,7	100	77,9	24	143,5	24
5	Tuần Giáo	18,1	9,1	18,7	54,5	88,6	0	145,4	92,9
6	Sơn La	18,1	0	18,6	76,9	76,9	0	131,3	66,7
7	Quỳnh Nhai	20,4	0	20,8	66,7	107,1	6,7	154	66,7
8	Sông Mã	19,6	0	20	72,7	47,4	20	72,4	13,3
9	Yên Châu	19,4	0	20,3	62,5	55,9	15,4	108,3	7,7
10	Mộc Châu	15,5	0	16,3	66,7	138,6	0	201,4	75
11	Sa Pa	12,3	14,3	12,8	71,4	306,4	20	423,5	20
12	Hoà Bình	20,7	0	21,2	69,2	178,5	0	327,3	92,9
Đông Bắc Bộ									
1	Hà Giang	19,9	0	20,4	66,7	222,9	0	321,4	85,7
2	Bắc Quang	19,9	0	20,7	87,5	444,4	23,5	806,5	23,5
3	Cao Bằng	18,4	0	19	76,9	90,7	22,2	180,5	22,2
4	Lạng Sơn	18	0	18,8	81,8	105,2	8,3	163,7	8,3
5	Tuyên Quang	20,6	7,1	21,2	78,6	128,7	90,9	238	0
6	Thái Nguyên	20,7	0	21,2	81,8	136,8	28,6	261,5	14,3
7	Yên Bái	20,4	11,1	20,9	77,8	194,8	17,4	335,2	26,1
8	Móng Cái	20,2	0	20,8	72,7	177,1	35,3	353,4	11,8
9	Vĩnh Yên	21,4	0	21,9	50	144,5	5,9	221,7	82,4
10	Việt Trì	21,1	8,3	21,7	83,3	154,3	0	244,8	81,3
11	Bắc Giang	20,9	0	21,4	90	121,2	0	236	80
12	Hải Dương	20,8	0	21,5	77,8	135,5	80	236,6	0
13	Phù Liễn	21,1	0	21,7	83,3	129,2	37,5	240,8	18,8
14	Nam Định	21	0	21,7	72,7	198,9	26,3	382,8	10,5
15	Thái Bình	20,7	0	21,3	69,2	187,2	90,9	405,8	0
16	Ninh Bình	21,3	0	21,8	68,8	261,7	0	436,8	63,6
Thanh Hóa đến Huế									
1	Thanh Hoá	21,4	0	21,9	76,9	254	0	410,8	75
2	Bái Thượng	21,3	0	21,7	22,2	253	6,7	470,4	26,7
3	Vinh	21,2	0	21,9	80	519	0	905,4	90,9
4	Tương Dương	20,7	90,9	21,4	0	125,2	0	257,1	78,6
5	Hà Tĩnh	21,1	0	21,8	80	1053,4	0	1349,6	76,9
6	Tuyên Hoá	20,5	0	21,4	75	840,6	9,1	1137,2	81,8
7	Đồng Hới	21,9	0	22,5	72,7	850,9	0	1333,3	91,7
8	Đồng Hà	22,5	11,1	23	22,2	1019,4	0	1354,9	100
9	Huế	22,7	20	23,3	6,7	1447,7	6,3	1858,2	81,3
10	A Lưới	19,3	0	19,7	100	1474,9	0	2070,9	100
Duyên Hải Nam Trung Bộ									
1	Đà Nẵng	23,8	6,7	24,2	73,3	1028,9	0	1419	85,7
2	Tam Kỳ	23,4	0	23,8	85,7	1151,1	0	2234,8	87,5
3	Trà My	22,2	0	22,7	85,7	2064,2	0	2755,4	75
4	Quảng Ngãi	23,8	0	24,2	63,6	1250,3	0	1670,2	78,6
5	Ba Tơ	23,2	0	23,5	87,5	1671,4	0	2581,6	100
6	Quy Nhơn	25,1	0	25,5	83,3	968,4	6,7	1248,2	60
7	Tuy Hoà	25	0	25,3	71,4	878,5	20	1185	65
8	Sơn Hoà	23,8	0	24,1	85,7	754,8	0	1030,5	85,7
9	Nha Trang	25,4	0	25,7	81,8	599,4	16,7	808,5	72,2
10	Trường Sa	27,3	0	27,6	14,3	959	0	1157	71,4
Cao nguyên Trung Bộ									
1	Kon Tum	21,8	0	22,3	100	171,4	0	322	100
2	Đắc Tô	20,1	100	20,6	0	158,3	0	311,7	85,7

Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu

STT	Trạm	Nhiệt độ				Lượng mưa			
		PV1(*) (oC)	XSHC (%)	PV2 (oC)	XSVC (%)	PV1 (mm)	XSHC (%)	PV2 (mm)	XSVC (%)
3	Pleiku	20,2	8,3	20,6	66,7	173,6	9,1	323	81,8
4	Ayunpa	23,7	0	24,1	100	288,5	0	482,6	90
5	M'Drak	21,7	0	22	75	822,9	0	996,3	60
6	Đắc Nông	21,4	0	21,8	83,3	321,8	18,2	459,5	27,3
7	Đà Lạt	17	12,5	17,3	25	320,8	5,6	412	72,2
8	Liên Khương	20,3	100	20,5	0	253,4	88,9	417	0
9	Bảo Lộc	20,8	30,8	21,1	23,1	504,5	50	631,2	14,3
Nam Bộ									
1	Phan Thiết	26,1	7,7	26,4	76,9	152,3	0	280,2	71,4
2	Phước Long	24,3	0	24,7	88,9	435,8	0	505,3	80
3	Vũng Tàu	25,7	0	26,6	88,9	280,1	5,9	361,7	70,6
4	Mỹ Tho	26	60	26,3	0	336,6	0	439,8	69,2
5	Cần Thơ	26	100	26,4	0	401,6	0	544,1	78,6
6	Rạch Giá	26,6	0	27,1	75	430,5	0	543,9	62,5
7	Phủ Quốc	26,4	92,9	26,6	0	514,5	7,7	699,1	30,8
8	Sóc Trăng	26,1	66,7	26,4	6,7	415,6	78,6	535	0
9	Cà Mau	26,3	6,7	26,5	66,7	504,7	0	635,9	76,5

(*) PV1 - Phân vị thứ nhất (trị số ứng với xác suất tích lũy 33 %)

PV2 - Phân vị thứ hai (trị số ứng với xác suất tích lũy 67 %)

XSHC - Xác suất thấp hơn TBNN (xác suất để nhiệt độ và lượng mưa nhỏ hơn PV1)

XSVC - Xác suất cao hơn TBNN (xác suất để nhiệt độ và lượng mưa lớn hơn PV2)

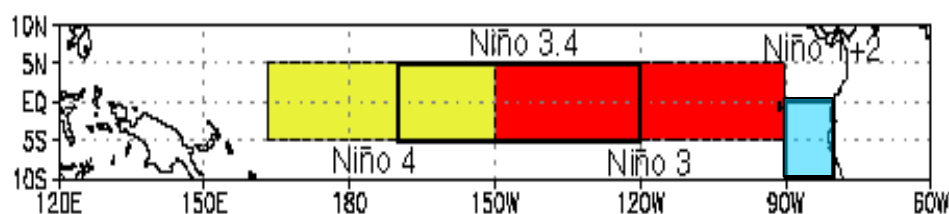
MỘT SỐ KHÁI NIỆM VỀ ENSO

El Nino: El Nino là khái niệm dùng để chỉ hiện tượng nóng lên không bình thường của lớp nước mặt thuộc vùng biển phía đông xích đạo Thái Bình Dương (TBD) kéo dài từ 3 mùa trở lên, El Nino còn được gọi là "pha nóng".

La Nina: Ngược với El Nino, La Nina là khái niệm dùng để chỉ hiện tượng lạnh đi không bình thường của lớp nước mặt thuộc vùng biển phía đông xích đạo TBD kéo dài từ 3 mùa trở lên, La Nina còn được gọi là "pha lạnh".

Trạng thái trung gian: Khi nhiệt độ mặt nước biển ở trạng thái nằm giữa "pha nóng" và "pha lạnh" được gọi là trạng thái trung gian.

Xích đạo TBD
là khu vực nằm
trong khoảng
20°N - 20°S,
100°E - 60°W.



Để xác định các hiện tượng El Nino/La Nina người ta thường dùng trị số chuẩn sai của nhiệt độ mặt nước biển của 4 khu vực NINO1+2, NINO3, NINO4, NINO3,4 thuộc xích đạo TBD. Vị trí của 4 khu vực này được nêu ở hình trên.

Dao động Nam (SO): SO là khái niệm dùng để chỉ hiện tượng dao động của chênh lệch khí áp giữa tây và trung tâm xích đạo TBD.

Chỉ số Dao động Nam (SOI): SOI được xác định thông qua chênh lệch khí áp mặt biển giữa 2 trạm Tahiti và Darwin.

ENSO: Do 2 hiện tượng El Nino/La Nina (đại dương) và SO (khí quyển) xảy ra trên xích đạo TBD có quan hệ mật thiết với nhau nên chúng được liên kết lại thành một hiện tượng kép, gọi tắt là ENSO./.